



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	01					ĐK
2	000002	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	01	128	4,6	1	An	Chấn
3	000003	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	01	139	6,9	1	Hải Anh	lê
4	000004	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	01	139	5,5	1	Anh	Chấn
5	000005	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	01	131	5,3	1	Anh	lê
6	000006	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	01	132	7,5	1	Ánh	chấn
7	000007	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	01	133	4,4	1	Bách	lê
8	000008	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01	134	7,3	1	Bình	chấn
9	000009	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	01	135	7,4	1	Thắng	lê
10	000010	1101030517	Trần Huy	Đức	10/09/2005	QT11A	01					HP,ĐK
11	000011	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	01	136	6,0	1	Dũng	lê
12	000012	1101031400	Lê Thế	Dương	18/12/2005	QT11A	01					HP,ĐK
13	000013	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	01					HP,ĐK
14	000014	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	01	137	9,0	1	Duyên	Chấn
15	000015	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	01	138	5,7	1	Giang	lê
16	000016	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	01	139	7,2	1	Hải	Chấn
17	000017	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	01	140	5,5	1	Hằng	lê
18	000018	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	01	141	6,8	1	Hào	chấn
19	000019	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	01	142	6,1	1	Hiệp	lê
20	000020	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	01	143	7,8	1	Huệ	Chấn
21	000021	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	01	144	6,9	1	Huệ	lê
22	000022	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	01	145	8,0	1	Hùng	chấn
23	000023	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	01	146	7,4	1	Hương	lê
24	000024	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	01	147	7,3	1	Khổng	chấn
25	000025	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	01	148	5,6	1	Lương	lê
26	000026	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01	149	7,6	1	Đỗ Chu	chấn
27	000027	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	01	150	5,9	1	Nguyễn	lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	01	151	7,6	1	Khánh	Chấn
29	000029	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	01	152	4,4	1	Kiên	Lê
30	000030	1101030588	Phan Thị	Liều	31/12/2004	QT11A	01	153	8,0	1	Liều	Chấn
31	000031	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	01	154	6,9	1	Linh	Lê
32	000032	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	01	155	7,6	1	Lĩnh	Chấn
33	000033	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	01	156	4,9	1	Lộc	Lê
34	000034	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	01	157	7,5	1	Ly	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi:....30....

Tổng số tờ giấy thi:....30....

Tổng số biên bản:.....0....

Ngày 31... tháng 12... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Yên Trịnh Thị Hồng Thái



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1101031215	Đình Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	01	97	7,1	1	Minh	Lê
2	000036	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	01	98	8,2	1	Minh	Chấn
3	000037	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	01	99	5,7	1	Trịnh	Lê
4	000038	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	01	100	4,0	1	Nga	Chấn
5	000039	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	01	101	8,6	1	Ngân	Lê
6	000040	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	01	102	7,2	1	Ngoan	Chấn
7	000041	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	01	103	8,0	1	Nhung	Lê
8	000042	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	01	104	4,9	1	Phi	Chấn
9	000043	1101031222	Bùi Thu	Phuong	23/09/2005	QT11A	01	105	6,7	1	Phuong	Lê
10	000044	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	01	106	6,4	1	Quang	Chấn
11	000045	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	01					HP, ĐK
12	000046	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	01	107	6,9	1	Thái	Chấn
13	000047	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	01	108	7,0	1	Thảo	Lê
14	000048	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	01	109	5,7	1	Thu	Chấn
15	000049	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	01	110	6,7	1	Trung	Lê
16	000050	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	01	111	6,1	1	Uyên	Chấn
17	000051	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	01	112	6,3	1	Vân	Lê
18	000052	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	01	113	5,4	1	Vy	HP Chấn
19	000053	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	01	114	6,7	1	Huy	Lê
20	000054	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	02	115	3,8	1	Duy	Chấn
21	000055	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02	116	5,3	1	NAnh	Lê
22	000056	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	02	117	7,0	1	Anh	Chấn
23	000057	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	02	118	5,8	1	Ach	Lê
24	000058	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	02	119	6,7	1	Anh	Lê Chấn
25	000059	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02	120	6,4	1	Anh	Lê
26	000060	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	02	121	6,3	1	Biên	Chấn
27	000061	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	02	122	5,9	1	Cường	HP Lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000062	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	02	123	5,9	01	Đạt	Chấn
29	000063	1101031373	Dương Thị Huyền	Diệu	05/07/2005	QT11B	02					HP, ĐK
30	000064	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	02	124	5,8	1	Duy	Chấn
31	000065	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	02	125	8,0	01	Duy	Lê
32	000066	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	02	126	7,1	01	Giang	Chấn
33	000067	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	02	127	5,4		Hà	Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 31...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 31 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Lan

Đỗ Phi Tươi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000068	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	02	65	3,2	01	Hải	Chấn
2	000069	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02	66	6,3	01	Hằng	lê
3	000070	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	02	67	2,5	01	Hiền	chấn
4	000071	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	02	68	4,0	01	Hiếu	lê
5	000072	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	02	69	2,8	01	Phạm	chấn
6	000073	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02	70	4,0	01	Hùng	lê
7	000074	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	02	71	0,5	01	Hùng	chấn
8	000075	1101030563	Hoàng Tuấn	Hưng	28/08/2005	QT11B	02	72	4,4	01	Hưng	lê
9	000076	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	02	73	7,5	01	Lê	chấn
10	000077	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	02	74	4,8	01	Phạm	lê
11	000078	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	02	75	4,1	01	Huyền	chấn
12	000079	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02	76	5,1	01	Khuyên	lê
13	000080	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	02	77	4,5	01	Lan	chấn
14	000081	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	02	78	4,2	01	Nguyễn	lê
15	000082	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	02	79	7,5	01	Linh	chấn
16	000083	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02	80	4,7	01	Nguyễn	lê
17	000084	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	02	81	3,7	01	Linh	chấn
18	000085	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	02	82	4,8	01	Linh	lê
19	000086	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	02	83	2,6	01	Lợi	chấn
20	000087	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	02	84	3,6	01	Ly	lê
21	000088	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	02	85	3,6	01	Ly	chấn
22	000089	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	02	86	4,3	01	Đỗ	lê
23	000090	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	02	87	2,5	01	Minh	chấn
24	000091	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	02	88	Một	01	Thạch	lê
25	000092	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	02	89	3,7	01	Mừng	chấn
26	000093	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	02					HP, ĐK
27	000094	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	02	90	6,1	01	Ngân	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000095	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	02	91	2,0	01	Nguyễn	lẻ
29	000096	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	02	92	5,3	01	Nguyễn	lẻ
30	000097	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	02	93	1,8	01	Nguyễn	lẻ
31	000098	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	02	94	5,9	01	Nguyễn	lẻ
32	000099	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	02	95	2,7	01	Nguyễn	lẻ
33	000100	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	02	96	2,6	01	Nguyễn	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 2

Ngày 31 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Tô Xuân Hòa



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000101	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	02	1	2,2	1	Trương	Lê
2	000102	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	02	2	4,5	1	Thảo	chấn
3	000103	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	02	3	4,9	1	Thương	Lê
4	000104	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	02	4	7,0	1	Tiên	chấn
5	000105	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	02	5	4,4	1	Trang	Lê
6	000106	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	02	6	7,0	1	Trang	chấn
7	000107	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	02	7	5,8	1	Trinh	Lê
8	000108	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	02	8	7,0	1	Uyên	chấn
9	000109	1101030741	Thắm Thị Tô	Uyên	30/09/2005	QT11B	02	9	5,3	1	Thắm	Lê
10	000110	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	02	10	5,8	01	Vân	chấn
11	000111	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02	11	5,3	01	Vũ	Lê
12	000112	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	02	12	7,8	01	Vy	chấn
13	000113	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	02	13	4,0	01	Yến	Lê
14	000114	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	02	14	5,7	01	Bảo	chấn
15	000115	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	02	15	3,1	1	Phạm	Lê
16	000116	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	02					HP,ĐK
17	000117	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	03	16	4,1	1	Phát	Lê
18	000118	0901010149	Vũ Duy	Thái	11/08/2003	NH9A	03	17	2,9	1	Thái	chấn
19	000119	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	03	18	5,0	1	Tuấn	Lê
20	000120	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	03	19	8,5	1	Anh	chấn
21	000121	1101071122	Lưu Thị	Hằng	19/03/2005	QL11A	03	20	5,5	1	Hằng	Lê
22	000122	1101070435	Đinh Trọng	Hiệp	11/02/2004	QL11A	03	21	6,7	1	Hiệp	chấn
23	000123	1101070436	Nguyễn Ích	Hoàng	25/03/2005	QL11A	03	22	4,5	1	Hoàng	Lê
24	000124	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	03	23	6,8	01	Huyền	chấn
25	000125	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	03	24	4,5	01	Kiên	Lê
26	000126	1101070449	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	QL11A	03	25	5,8	01	Như	chấn
27	000127	1101071136	Vũ Ngọc	Phương	12/08/2005	QL11A	03	26	5,3	01	Phương	Lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000128	1101070452	Đỗ Thị	Quỳnh	30/10/2004	QL11A	03	27	8,0	1	Quỳnh	chấn.
29	000129	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	03	28	4,8	1	Thuận	lê
30	000130	1101070457	Trần Đức	Toàn	16/02/2005	QL11A	03	29	4,2	1	Toàn	chấn
31	000131	1101070458	Đỗ Thiên	Trang	01/05/2005	QL11A	03	30	4,5	1	Trang	lê
32	000132	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL11A	03					HP,ĐK
33	000133	1101070462	Nguyễn Thị Thanh Xuân		08/06/2005	QL11A	03	31	5,2	1	Xuân	lê

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 31 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Jun
Lê Thị Hằng . Chung
Nguyễn Thanh Chung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp

Đề thi

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000134	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	03	32	2,9	1	Tài	chấn
2	000135	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	03	33	4,4	1	Anh	lẻ
3	000136	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	03	34	6,7	1	Anh	chấn
4	000137	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	03	35	8,3	1	Anh	lẻ
5	000138	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	03	36	5,5	1	Bộ	chấn
6	000139	1101080510	Phạm Hải	Đăng	23/02/2005	TM11A	03	37	2,9	1	Đăng	lẻ
7	000140	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	03	38	5,2	1	Duyên	chấn
8	000141	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	03	39	1,9	1	Hà	lẻ
9	000142	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	03	40	4,7	1	Hà	chấn
10	000143	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	03	41	5,2	1	Hằng	lẻ
11	000144	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	03	42	3,5	1	Hiếu	chấn
12	000145	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	03	43	4,9	1	Huyền	lẻ
13	000146	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	03	44	4,0	1	Huyền	chấn
14	000147	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	03	45	4,8	1	Lan	lẻ
15	000148	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	03	46	6,5	1	Linh	chấn
16	000149	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	03	47	5,2	1	Linh	lẻ
17	000150	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	03	48	6,3	1	Linh	chấn
18	000151	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	03	49	6,8	1	Linh	lẻ
19	000152	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	03	50	6,7	1	Linh	chấn
20	000153	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	03	51	4,4	1	Linh	lẻ
21	000154	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	03	52	7,5	1	Lý	chấn
22	000155	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	03	53	2,8	1	Mai	lẻ
23	000156	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	01/01/2005	TM11A	03	54	4,6	1	Quỳnh	chấn
24	000157	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	03	55	5,2	1	Quỳnh	lẻ
25	000158	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	03	56	2,4	1	Thái	chấn
26	000159	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	03	57	4,1	1	Thành	lẻ
27	000160	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	03	58	6,1	1	Thùy	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000161	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	03	59	5,1	1	Tới	L ₁
29	000162	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	03	60	6,7	1	Trang	chín
30	000163	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	03	61	4,2	01	Trang	lẻ
31	000164	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	03	62	8,1	1	Trung	chẵn
32	000165	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	03	63	3,3	1	Dương	lẻ
33	000166	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	03	64	6,7	1	Yến	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....33.....

Tổng số tờ giấy thi:.....33.....

Tổng số biên bản:.....1.....

Ngày 31 tháng 12 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


 Nguyễn Thị Thanh Hà


 Thi Thi Liên